|  |  |
| --- | --- |
| UBND TỈNH HƯNG YÊN  **SỞ TÀI CHÍNH**  Số: /BC-STC | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hưng Yên, ngày tháng 6 năm 2021* |

**BÁO CÁO**

**Đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2016-  
2020; xây dựng kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2021-2025**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh.

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật đầu tư công 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23/3/2017 của Chính phủ quy định Quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính - ngân sách 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hàng năm;

Căn cứ Nghị định số 45/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định chi tiết lập kế hoạch tài chính 05 và kế hoạch tài chính 03 năm;

Căn cứ Thông tư số 69/2017/TT-BTC ngày 07/7/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập kế hoạch tài chính 05 năm và kế hoạch tài chính - ngân sách 03 năm.

Căn cứ Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 26/7/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ các Nghị quyết của HĐND: số 12/2016/NQ-HĐND ngày 07/7/2016 về phát triển kinh tế-xã hội 5 năm 2016-2020 tỉnh Hưng Yên; số 81/2016/NQ-HĐND ngày 15/12/2016 về kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016-2020 tỉnh Hưng Yên; số 340/2020/NQ-HĐND ngày 22/12/2020 về phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 tỉnh Hưng Yên.

Căn cứ tình hình thực hiện kế hoạch tài chính giai đoạn 2016-2020 và dự  
dự toán năm 2021. Sở Tài chính báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2016-2020; xây dựng kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2021-2025, như sau:

**Phần thứ nhất**

**ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH  
05 NĂM GIAI ĐOẠN 2016-2020**

Giai đoạn 2016-2020 là giai đoạn đầu thực hiện kế hoạch tài chính 05  
năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước 2015. Thực hiện Nghị quyết  
của Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, sự giám  
sát chặt chẽ của Hội đồng nhân dân tỉnh, sự quản lý, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh; cùng với nỗ lực phấn đấu cao của cả hệ thống chính trị, của nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp, trong thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2016-2020 đã đạt được những kết quả tích cực, cụ thể:

**I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH**

Trong bối cảnh kinh tế trong nước 05 năm 2016-2020 đã có dấu hiệu phục hồi, nhưng vẫn có nhiều thách thức và khó khăn, đặc biệt là diễn biến ở biển đông có thể tác động đến sự phát triển kinh tế trong nước. Giai đoạn này có nhiều thuận lợi mới, đặc biệt là sau 30 năm đổi mới, quy mô và tiềm lực phát triển kinh tế xã hội đã được nâng cao hơn trước. Cơ cấu tái kinh tế đang tạo ra những chuyển biến mới, tình hình chính trị ổn định là tiềm lực cho phát triển kinh tế.

Bối cảnh của tỉnh Hưng Yên với những thuận lợi về vị trí, những thành tựu đã đạt được trong những năm qua và những kinh nghiệm trong quá trình quản lý, điều hành của các cấp chính quyền, các ngành và sự ổn định về chính trị xã hội là những tiềm lực để Hưng Yên có thể phát triển mạnh và bền vững. Tuy vậy, tỉnh vẫn phải đối mặt với những khó khăn và thách thức như: sự tăng dân số về mặt cơ học nhanh tạo ra áp lực trong việc tăng mức sống của dân cư; việc đảm bảo an sinh xã hội; chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng được yêu cầu về công nghiệp hóa, hiện đại hóa; ngành chăn nuôi gặp khó khi dịch tả lợn châu Phi lây lan trên diện rộng; nhiều mặt hàng nông sản, thủy sản không thuận lợi về thị trường và giá xuất khẩu.

Giai đoạn 2016-2020, UBND tỉnh đã chủ động tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện kế hoạch tài chính ngân sách; đề xuất vớ Tỉnh ủy, HĐND các giải pháp về tài chính - ngân sách nhằm ổn định kinh tế - xã hội, thúc đẩy tăng trưởng, đảm bảo an sinh xã hội, quốc phòn an ninh trong tình hình mới, tạo điều kiện thuận lợi cho các doan nghiệp, thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển, thu hút vốn đầu tư; đồng thời, đã chỉ đạo các cấp, các ngành triển khai đồng bộ, quyết liệt và hiệu quả các mục itteu, nhiệm vụ, giải pháp đề ra; tích cực trong công tác xây dựng ban hành các chính sách thuộc thẩm quyền theo phân cấp, cả các thủ tục hành chính.

Công tác quản lý chi ngân sách được quản lý chặt chẽ, tiết kiệm, ưu tiên cho mục tiêu bảo đảm an sinh xã hội, an ninh, quốc phòng và chi cho con người; quản lý giá theo cơ chế thị trường có sự điều tiết của nhà nước đối với mặt hàng quan trọng thiết yếu; huy động nguồn lực cho đầu tư phát triển, trong đó ưu tiêu các côn trình trọng điểm, quan trọng cấp bách, đầu tư phát triển giao thông, nông thông. Công tác vay, trả nợ được kiểm soát, đảm bảo trong hạn mức theo quy định của Luật Ngân sách nước.

Hằng năm, UBND tỉnh đã ban hành quyết định về nhữn giải pháp chủ  
yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán  
ngân sách nhà nước để chỉ đạo, điều hành ngân sách nhà nước. UBND tỉnh giao  
nhiệm vụ cụ thể cho các cấp, ngành Thuế, Hải quan, Kho bạc nhà nước, Tài chính và các đơn vị liên quan thực hiện đối với công tác xây dựng kế hoạch thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, chi ngân sách địa phương .

Công tác quản lý, điều hành ngân sách nhà nước đã được các cấp, các  
ngành quan tâm tập trung chỉ đạo thực hiện bằng các giải pháp tăng cường công tác quản lý thu, chi ngân sách, chống thất thu ngân sách, nuôi dưỡng nguồn thu và khai thác các nguồn thu mới; thực hiện chi ngân sách bảo đảm mục tiêu, nhiệm vụ, các quy định của pháp luật về chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách hiện hành.

**II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN**

**1. Mục tiêu của Đảng bộ tỉnh giai đoạn 2016-2020**

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Tỉnh lần thứ XVIII đã đề ra về mục tiêu phấn đấu trong lĩnh vực tài chính - ngân sách giai đoạn năm 2016 - 2020.

(1) Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) bình quân 5 năm 7,5-8%. Giá trị sản xuất nông nghiệp, thủy sản tăng 2,5-3%/năm. Chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 9-10%/năm. Giá trị sản xuất thương mại, dịch vụ tăng 8,5-9,5%. Tổng kim ngạch xuất khẩu trên địa bàn tăng bình quân 16%.

(2) Đến năm 2020: Cơ cấu kinh tế đến năm 2020: Nông nghiệp, thủy sản 6% - Công nghiệp, xây dựng 55% - thương mại, dịch vụ 37%; Tổng thu ngân sách trên địa bàn tỉnh đến năm 2020 đạt 13.000 tỷ đồng, trong đó thu nội địa đạt 9.000 tỷ đồng; Kim ngạch xuất khẩu đạt 05 tỷ USD; GRDP bình quân đầu người 75 triệu đồng; Tỷ lệ đô thị hóa của tỉnh đạt 40,5%; Thành phố Hưng Yên đạt đô thị loại II, Thị xã Mỹ Hào đạt đô thị loại III; huyện Văn Giang (thị trấn Văn Giang mở rộng), thị trấn Như Quỳnh, thị trấn Yên Mỹ mở rộng và khu Bô Thời - Dân Tiến đạt tiêu chí đô thị loại IV.

**2. Về ban hành các chế độ chính sách**

Năm 2017 là năm đầu tiên triển khai nhiều nghị quyết của Trung ương (như Nghị quyết 05-NQ/TW ngày 01/11/2016 về một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế; Nghị quyết 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 về chủ trương, giải pháp cơ cấu lại ngân sách nhà nước, quản lý nợ công để bảo đảm nền tài chính quốc gia an toàn, bền vững…) và các quy định pháp luật [tài chính](http://tapchitaichinh.vn/tags/VMOgaSBjaMOtbmg=/tai-chinh.html) ngân sách mới (như Luật Ngân sách nhà nước (NSNN) 2015, Luật Phí và lệ phí 2015…), cùng với việc triển khai thực hiện các kế hoạch 5 năm giai đoạn 2016 - 2020 như: Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế, Kế hoạch tài chính 5 năm quốc gia, Kế hoạch đầu tư công trung hạn… với trọng tâm là nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động và sức cạnh tranh của nền kinh tế, thực hiện cơ cấu lại NSNN, quản lý nợ công để đảm bảo bền vững nền tài chính quốc gia.

Năm 2017, là năm đầu thực hiện Luật NSNN năm 2015, cũng là năm đầu tỉnh Hưng Yên tự cân đối thu - chi ngân sách nên trong năm địa phương đã ban hành các văn bản pháp luật theo thẩm quyền để thực hiện như: Quyết định 32/2016/QĐ- UBND ngày 30/12/2016 về Ban hành quy định về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi của các cấp chính quyền địa phương và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách giai đoạn 2017-2020; Quyết định số 33/2016/QĐ- UBND ngày 30/12/2016 Ban hành quy định về định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách địa phương giai đoạn 2017-2020. Cùng với đó, tỉnh Hưng Yên cũng ban hành các văn bản quản lý điều hành thu, chi ngân sách như: Chỉ thị số 18-CT/TU ngày 22/3/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường công tác quản lý thu, chi Ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2017-2020; Chỉ thị 08/CT-UBND ngày 27/6/2017; số 19/CT-UBND ngày 08/12/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc tăng cường công tác quản lý thuế đối với hoạt động kinh doanh xăng, dầu trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; Quyết định số 1195/QĐ-UBND ngày 24/5/2018 ban hành chương trình hành động của UBND tỉnh thực hiện Nghị Quyết 51/NQ-CP ngày 19/6/2017 của Chính phủ,...

**3. Đánh giá kết quả chủ yếu về tài chính - ngân sách**

**3.1. Về thu ngân sách nhà nước**

Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh Hưng Yên thực hiện giai đoạn 2016-2020 đạt 6.,281 tỷ đồng (trong đó thu nội địa: 50.615 tỷ đồng), tăng gấp 2 lần tổng thu ngân sách giai đoạn 2011-2015. Tốc độ tăng thu nội địa bình quân 20,2 %/năm, mặc dù năm 2017, 2018 và năm 2019 liên tiếp bị hụt thu ngân sách (Phần ngân sách tỉnh được hưởng), song dưới sự chỉ đạo quyết liệt của Tỉnh Ủy, HĐND, UBND tỉnh, sự nỗ lực phấn đấu cao của cả hệ thống chính trị, của nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp, tốc độ tăng thu các năm sau cơ bản cao hơn năm trước và vượt chỉ tiêu về kinh tế - xã hội giai đoạn 2016-2020 mà Nghị quyết Đảng bộ tỉnh đề ra. Cơ cấu thu ngân sách Nhà nước từng bước vững chắc hơn. Thu nội địa vẫn chiếm ưu thế trong tổng thu thuế, phí với tỷ lệ bình quân chiếm 75,2%. Một số lĩnh vực thu chủ yếu của nền kinh tế tỉnh nhà chiếm tỷ trọng cao và luôn có xu hướng tăng theo tỷ lệ tăng trưởng kinh tế như: Thu từ doanh nghiệp Nhà nước, doanh nghiệp đầu tư nước ngoài, dịch vụ ngoài quốc doanh, thu tiền cấp quyền sử dụng …

Đối với thu lĩnh vực xuất nhập khẩu tổng thu giai đoạn 2016-2020 là 16.666 tỷ đồng, chiếm 24,8% tổng thu ngân sách nhà nước, năm 2020 số thu lĩnh vực xuất nhập khẩu chỉ đạt 78,6% so với kế hoạch giao, nguyên nhân không đạt chỉ tiêu kế hoạch là do thực hiện các chế độ, chính sách hoàn thuế GTGT và dịch tả lợn Châu Phi, dịch Covid-19 làm ảnh hưởng đến số thu thuế xuất nhập khẩu.

- Năm 2016: Tổng thu NSNN đạt 9.468 tỷ đồng, đạt 110,2 % so với kế hoạch HĐND tỉnh giao. Thu nội địa: 6.716 tỷ đồng, đạt 111,9% so với số kế hoạch giao; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu được: 2.752 tỷ đồng, đạt 107,9% so với kế hoạch UBND tỉnh giao;

- Năm 2017: Tổng thu NSNN 12.015 tỷ đồng đạt 112,8% kế hoạch HĐND giao. Thu nội địa: 8.639 tỷ đồng, đạt 110,1% so với dự toán; thu từ hoạt động XNK: 3.376 tỷ đồng, đạt 120,6% so với dự toán giao.

- Năm 2018: Tổng thu NSNN 13.229 tỷ đồng, đạt 110,2% kế hoạch HĐND giao. Thu nội địa: 9.988 tỷ đồng, đạt 115,4% so với dự toán; thu hoạt động XNK: 3.341 tỷ đồng, đạt 97,1% so dự toán giao.

- Năm 2019: Tổng thu NSNN là 16.090 tỷ đồng đạt 125,1% kế hoạch. Thu nội địa: 12.273 tỷ đồng, đạt 128,3% so với dự toán; thu hoạt động XNK: 3.817 tỷ đồng, đạt 115,7% so dự toán giao.

- Năm 2020: Tổng thu NSNN là 16.479 tỷ đồng đạt 110,9% kế hoạch. Thu nội địa: 13.099 tỷ đồng, đạt 124% kế hoạch; thu hoạt động XNK: 3.380 tỷ đồng, bằng 78,66 % so dự toán giao.

Tóm lại: thu ngân sách Nhà nước giai đoạn 2016-2020, tỷ lệ thu nội địa chiếm tỷ trọng cao bình quân chiếm 70,4%, tốc độ thu năm sau cao hơn năm trước, thực hiện thu nội địa năm 2020 đạt 13.099 tỷ đồng cao hơn nhiều so mục tiêu của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII (mục tiêu 9.000 tỷ đồng).

**3.2. Tình hình thực hiện và quản lý về thu phí, lệ phí**

Tổng thu phí, lệ phí giai đoạn 2016-2020 là 354,1 tỷ đồng, chiếm 0,5% tổng thu ngân sách , trong đó: Năm 2016: 63,1 tỷ đồng; năm 2017: 75 tỷ đồng; năm 2018: 70,3 tỷ đồng; năm 2019: 73,4 tỷ đồng; năm 2020: 72,2 tỷ đồng. Số chi từ nguồn phí để lại cho các cơ quan thu và số tiền phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước.

Nhìn chung công tác quản lý thu phí, lệ phí đều được triển khai thực hiện  
tích cực và hoàn thành kế hoạch giao; việc chấp hành kê khai nộp ngân sách đối với các khoản phí, lệ phí: Các đơn vị được giao nhiệm vụ thu các khoản phí,  
lệ phí nộp hồ sơ khai thuế, chấp hành và nộp ngân sách đầy đủ theo quy định.  
 - Mức thu phí, lệ phí được thực hiện công khai, niêm yết tại trụ sở, cơ  
quan nơi làm việc tạo điều kiện cho người nộp phí, lệ phí hiểu rõ hơn những quy  
định về phí, lệ phí bảo đảm thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Các đơn vị sử dụng biên lai, ấn chỉ thu theo quy định. Một số đơn vị  
được giao nhiệm vụ thu phí, lệ phí thuộc NSNN sử dụng biên lai, ấn chỉ thu theo  
quy định tại Thông tư số 303/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính   
hướng dẫn việc in, phát hành, quản lý và sử dụng các loại chứng từ thu tiền phí,  
lệ phí thuộc ngân sách nhà nước. Một số đơn vị khác thu các khoản phí, lệ phí   
không thuộc NSNN sử dụng hóa đơn theo quy định tại Nghị định 51/2010/NĐ-  
CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa và cung ứng dịch vụ, kê khai và nộp thuế theo luật quản lý thuế.

- Các khoản thu, chi ngân sách nhà nước mà chế độ quy định thực hiện  
hạch toán thu, chi được các cơ quan tài chính hoàn thành thủ tục thu, chi theo đúng quy định hiện hành, số chưa được thu được tiếp tục theo dõi quản lý để thu vào ngân sách nhà nước. Việc thu các khoản phí, lệ phí được để lại đơn vị chi quản lý qua ngân sách nhà nước đã tạo được giảm bớt nhữn khó khăn về nguồn kinh phí chi từ NSNN; qua thực hiện các đơn vị được giao thu các khoản thu phí, lệ phí được để lạ quản lý và sử dụng đều chấp hành nghiêm túc việc quản lý, sử dụng các khoản thu được để lại theo quy định của từng ngành, lĩnh vực quản lý theo các văn bản hướng dẫn hiện hành.

**3.3. Chi ngân sách địa phương**

Nhiệm vụ chi ngân sách địa phương giai đoạn 2016-2020 cơ bản theo hướng:

- Xây dựng chính sách phân bổ, sử dụng hiệu quả các nguồn lực tài chính trên cơ sở gắn với quá trình tái cơ cấu nền tài chính quốc gia và các định hướng phát triển kinh tế - xã hội, chú trọng nâng cao hiệu quả đầu tư theo ngành; có cơ chế, chính sách phân phối hợp lý, đảm bảo cho mọi đối tượng xã hội, người nghèo được hưởng các dịch vụ phúc lợi cơ bản. Đặc biệt xây dựng quy định phân cấp nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách và xây dựng định mức phân bổ chi ngân sách địa phương giai đoạn ngân sách trung hạn 2017- 2020.

- Nâng cao vai trò định hướng của nguồn lực tài chính nhà nước trong việc đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là nâng cấp kết hạ tầng kinh tế - xã hội, đảm bảo vốn ứng cho các công trình trọng điểm cầu nối 2 đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng và cầu Giẽ - Ninh Bình; nâng cấp quốc lộ 38 đoạn qua tỉnh Hưng Yên, xây dựng các tuyến đường vành đai 3, 5, vành đai 4 của Thủ đô giữa quốc lộ 39 với đường đê tả sông Hồng, đường trục Bắc Nam, đường đê tả sông Hồng giai đoạn 2.

- Dịch chuyển dần nguồn lực nhà nước đầu tư cho con người, kết hợp các nguồn lực tài chính nhà nước để đầu tư cơ sở vật chất cho sự nghiệp y tế, giáo dục - đào tạo cho phù hợp với điều kiện, đồng thời nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách trong các lĩnh vực này.

- Tập trung nguồn lực cho phát triển nông nghiệp hàng hóa hiệu quả cao, gắn với xây dựng nông thôn mới.

Nguồn lực của địa phương trong giai đoạn 2016-2020, cơ bản đáp ứng các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Tổng chi ngân sách địa phương 05 năm (2016-2020) là 48.563 tỷ đồng, tăng 1,8 lần tổng chi giai đoạn 2011-2015, trong đó chi đầu tư phát triển 17.893 tỷ đồng, chi thường xuyên 30.721 tỷ đồng, chi trả nợ gốc và phí/lãi 600,8 tỷ đồng.

Tỷ trọng chi đầu tư phát triển chiếm 36,7% (17.839/48.563 tỷ đồng) trên tổng chi ngân sách, Trong chi đầu tư phát triển chủ yếu bố trí cho các dự án về giáo dục - đào tạo, y tế, giao thông, thủy lợi,… Chi thường xuyên chiếm 63,3% (30.721/48.563 tỷ đồng). Chi ngân sách cho Giáo dục - đào tạo và chi công tác bảo vệ môi trường tăng dần hàng năm.

Việc điều hành chi ngân sách đã được thực hiện đúng Luật NSNN quy định, thực hiện tiết kiệm chi thường xuyên để chi cho lĩnh vực an sinh xã hội, cắt giảm đầu tư công, tăng cường kiểm soát chi để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn ngân sách, đáp ứng nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; đồng thời thực hiện chi một số chế độ, chính sách mới phát sinh: Trợ cấp hàng tháng cho người cao tuổi, chế độ tiền lương; phụ cấp công vụ, phụ cấp thâm niên của đảng, đoàn thể và các chế độ do UBND tỉnh ban hành. Các đơn vị giao quyền tự chủ tài chính thực hiện đúng chế độ chính sách, đảm bảo tiết kiệm, chống lãng phí, thực hiện nghiêm túc.

Tóm lại: Chi ngân sách địa phương được chuyển đổi theo hướng tích cực, tỷ trọng chi đầu tư phát triển hằng năm tăng lên, chiếm bình quân 24,6%; cơ bản đáp ứng đầy đủ kịp thời các nhiệm vụ chi thường xuyên và phát triển - kinh tế xã hội của tỉnh, ưu tiên hơn cho trả nợ XDCB từ NSNN, thực hiện đúng Chỉ thị của Thủ tướng Chính Phủ.

**3.3. Về vay và trả nợ**

Giai đoạn 2016-2020, tỉnh có 03 dự án sử dụng vốn vay ODA và vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ đang trong quá trình giải ngân, rút vốn và đang trong quá trình trả nợ là các dự án Kiên cố hóa kênh mương, giao thông nông thôn, Dự án lưới điện hạ áp thông thôn REII (Gốc+Mở rộng) đã bàn giao cho ngành Điện hoàn trả, Dự án Chương trình nước sạch và vệ sinh nông thôn ODA 8 tỉnh ĐBSH.

Tổng dư nợ đầu kỳ là 634 tỷ đồng, tổng vay trong kỳ là 246,5 tỷ đồng, tổng sổ trả trong kỳ là 600,8 tỷ đồng (trong đó: Trả gốc là 574,1 tỷ đồng, trả lãi/phí là 28,5 tỷ đồng), ổng dư nợ đến 31/12/2020 là 313,7 tỷ đồng.

Mức dư nợ vay đầu kỳ của tỉnh đảm bảo hạn mức dư nợ vay tố đa của  
ngân sách địa phươn theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Hằng năm,  
tỉnh đã chủ động xây dựng kế hoạch trả nợ. Bố trí nguồn để trả nợ (nguồn vượt  
thu ngân sách, một phần từ nguồn xây dựng cơ bản tập trung, nguồn thu tiền sử   
dụng đất). Đồng thời xây dựng kế hoạch xử lý nợ xây dựng cơ bản đến năm  
2020 và quản lý và sử dụng nguồn vốn vay đúng mục đích và hiệu quả

**3.4. Tình hình thực hiện cổ phần hóa giai đoạn 2016-2020**

Thực hiện Thực hiện Công văn số 2080/TTg-ĐMDN ngày 12/11/2015 của Thủ tướng Chính phủ về phương án sắp xếp, cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp thuộc tỉnh Hưng Yên và Quyết định 58/2016/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Về Tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước và Danh mục doanh nghiệp nhà nước thực hiện sắp xếp giai đoạn 2016-2020; Chỉ thị 01/CT-TTg năm 2019 về tăng cường công tác chỉ đạo, đẩy mạnh công tác cơ cấu lại, sắp xếp, đổi mới, cổ phần hóa và thoái hóa nhà nước tại các doanh nghiệp nhà nước và các doanh nghiệp có vốn nhà nước.

Giai đoạn 2016-2020 tỉnh Hưng Yên đã thực hiện cổ phần hóa xong 02 doanh nghiệp là Công ty TNHH MTV môi trường và công trình đô thị Hưng Yên, Công ty TNHH MTV Kinh doanh nước sạch Hưng Yên và 02 đơn vị sự nghiệp công lập là Đoạn quản lý đường bộ Hưng Yên, Đoạn quản lý đường sông Hưng Yên. Nhà nước chỉ đầu tư vốn vào công ty 100% vốn nhà nước với những ngành, lĩnh vực then chốt như: Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi tỉnh và Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết. Đồng thời tăng cường thực hiện chức năng giám sát của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp có vốn nhà nước; đẩy mạnh công tác giám sát và đánh giá hiệu quả sử dụng vốn nhà nước.

Số tiền nộp ngân sách nhà nước sau khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước và các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh là: 39,4 tỷ đồng. Toàn bộ số tiền đã chuyển vào Quỹ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp của Trung ương.

**3.5. Tình hình thực hiện về tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế và tinh giản biên chế; cơ chế tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công lập**

Thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 39-NQ/TW), Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế (sau đây gọi tắt là Nghị định số 108/2014/NĐ-CP), UBND tỉnh Hưng Yên đã ban hành Kế hoạch số 178/KH-UBND ngày 19/8/2015 về việc triển khai thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị quyết số 39-NQ/TW và Nghị định số 108/2014/NĐ-CP; đồng thời, ban hành Quyết định số 956/QĐ-UBND ngày 13/4/2018 phê duyệt Đề án tinh giản biên chế trong các cơ quan, tổ chức hành chính,­ đơn vị sự nghiệp công lập, các hội được Nhà nước hỗ trợ kinh phí hoạt động theo số lượng người làm việc của tỉnh Hưng Yên giai đoạn 2015-2021. Theo đó, đến năm 2021 tỉnh Hưng Yên sẽ thực hiện tinh giản biên chế theo lộ trình đã được phê duyệt là 2.466 biên chế (trong đó, 208 biên chế công chức của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, đạt 10,98% so với số biên chế được Bộ Nội vụ giao năm 2015 và 2.258 biên chế biên chế sự nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, đạt 10,11% so với số biên chế sự nghiệp được Bộ Nội vụ thẩm định, thống nhất năm 2015).

*\* Kết quả thực hiện tinh giản (cắt giảm) biên chế từ thời điểm năm 2015 đến ngày 50/4/2020 của tỉnh giảm được là 2.206 người, trong đó:*

- Các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước: tinh giản được 168 biên chế công chức, đạt tỷ lệ 9,14% (trong đó, năm 2016 tinh giản được 33 biên chế; năm 2017 tinh giản được 36 biên chế; năm 2018 tinh giản được 27 biên chế; năm 2019 tinh giản được 35 biên chế; năm 2020 giản được 37 biên chế).

- Các đơn vị sự nghiệp công lập: tinh giản (cắt giảm) được 2.038 biên chế sự nghiệp, đạt tỷ lệ 9,13% (trong đó: năm 2016 tinh giản 158 biên chế; năm 2017 là 167 biên chế; năm 2018 là 796 biên chế, năm 2019 là 419 biên chế và năm 2020 là 498 biên chế).

*\* Kết quả thực hiện (giải quyết chế độ chính sách theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP của Chính phủ từ năm 2015 đến 30/5/2020 (nghỉ hưu trước tuổi, thôi việc):*

Toàn tỉnh đã thực đã thực hiện tinh giản biên chế được 276 người (trong đó: khối hành chính là 12 người, khối sự nghiệp là 196 người, khối xã là 68 người).

- Năm 2016 là 22 người (trong đó: khối hành chính là 01 người, khối sự nghiệp là 17 người, khối xã là 04 người).

- Năm 2017 là 101 người (trong đó: khối hành chính là 04 người, khối sự nghiệp là 74 người, khối xã là 23 người).

- Năm 2018 là 54 người (trong đó: khối hành chính là 03 người, khối sự nghiệp là 37 người, khối xã là 14 người).

- Năm 2019 là 67 người (trong đó: khối hành chính là 01 người, khối sự nghiệp là 48 người, khối xã là 18 người).

- Từ 01/01/2020 đến 30/5/2020 là 32 người (trong đó: khối hành chính là 03 người, khối sự nghiệp là 20 người, khối xã là 09 người).

Kinh phí cắt giảm được do gắn với thực hiện sắp xếp bộ máy và tinh giải biên chế giai đoạn 2016-2020 được để lại tại đơn vị để thực hiện một số chính sách do địa phương ban hành.

Việc triển khai thực hiện cơ chế tự chủ của các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ tại địa phương còn nhiều khó khăn, vướng mắc. Do các Bộ, Ngành, Trung ương chưa có văn bản hướng dẫn thực hiện cụ thể, kịp thời.

Do đó, đối với các đơn vị sự nghiệp công lập ở địa phương đã thực được giao tự chủ tài chính theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ, đến thời điểm hết giai đoạn thực hiện tự chủ được cấp có thẩm quyền giao thì lại tiếp tục xây dựng phương án tự chủ tài chính cho giai đoạn tiếp theo, trình cơ quan chủ quản, thông qua Sở Tài chính thẩm định, trình UBND tỉnh quyết định.

**3.6. Thực hiện nguồn cải cách tiền lương của địa phương**

Năm 2017: Tổng nguồn kinh phí thực hiện CCTL và thực hiện các chế độ phụ cấp là 830,5 tỷ đồng, Tổng nhu cầu tăng thêm thực hiện mức lương cơ sở và các loại phụ cấp, thực hiện các chế độ an sinh xã hội do Trung ương ban hành là 176,9 tỷ đồng, Tổng nguồn còn dư chuyển năm sau là 705,2 tỷ đồng.

Năm 2018: Tổng nguồn kinh phí thực hiện CCTL và thực hiện các chế độ phụ cấp là 1.040 tỷ đồng, Tổng nhu cầu tăng thêm thực hiện mức lương cơ sở và các loại phụ cấp, thực hiện các chế độ an sinh xã hội là 352,1 tỷ đồng, Tổng nguồn còn dư chuyển năm sau là 687,8tỷ đồng.

Năm 2019: Tổng nguồn kinh phí thực hiện CCTL và thực hiện các chế độ phụ cấp là 989,2 tỷ đồng, tổng nhu cầu tăng thêm thực hiện mức lương cơ sở và các loại phụ cấp, thực hiện các chế độ an sinh xã hội là 833,8 tỷ đồng, tổng nguồn còn dư chuyển năm sau là 155,3 tỷ đồng.

Hằng năm căn cứ vào dự toán được giao và tình hình thực hiện thu ngân sách, địa phương đã thực hiện các quy định hiện hành về tạo nguồn cải cách tiền lương (CCTL) trong giai đoạn 2016-2021 từ: một phần nguồn thu được để lại theo chế độ của các cơ quan, đơn vị; tiết kiệm 10% chi thường xuyên tăng thêm (trừ các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, các khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ); nguồn thực hiện CCTL các năm còn dư chuyển sang; 70% nguồn tăng thu thực hiện của ngân sách địa phương so dự toán hàng năm; 50% nguồn tăng thu dự toán so với dự toán của ngân sách địa phương để tạo nguồn CCTL trong giai đoạn 2016-2020 và tích lũy cho giai đoạn 2021-2025.

Địa phương đã sử dụng nguồn CCTL để thực hiện các chính sách an sinh xã hội giai đoạn 2017-2020, do 03 năm liên tiếp bị hụt thu (2017-2019), hơn nữa năm 2019 phát sinh dịch tả lợn Châu Phi, năm 2020 dịch cúm Covid-19 diễn ra phức tạp, kinh phí hỗ trợ phòng chống dịch bệnh, hỗ trợ người dân là rất lớn. Địa phương đã dành nguồn CCTL để thực hiện cải cách tiền lương, chi trả thay phần ngân sách trung ương hỗ trợ và thực hiện các chính sách an sinh xã hội, dành một phần để xử lý bù giảm hụt thu ngân sách đảm bảo chi theo chế độ Nhà nước quy định.

**3.7. Thực hiện cải cách hành chính; phòng, chống tham nhũng, lãng phí**

Tổ chức bộ máy quản lý nhà nước tiếp tục được kiện toàn phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; tinh giản biên chế được đẩy mạnh và đạt kết quả bước đầu. Thực hiện chủ trương sắp xếp lại các đơn vị hành chính cấp huyện và cấp xã. Kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước và trách nhiệm của người đứng đầu và cán bộ, công chức tiếp tục được tăng cường.

Phương thức hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước tiếp tục được đổi mới. Công tác cải cách thủ tục hành chính, xây dựng chính quyền điện tử, cung cấp dịch vụ công trực tuyến đạt nhiều kết quả tích cực; cơ chế một cửa, một cửa liên thông tiếp tục được duy trì, mở rộng, cải thiện về chất lượng, hiệu quả hoạt động đã giúp cải thiện nhiều chỉ số xếp hạng về năng lực cạnh tranh, môi trường kinh doanh, đổi mới sáng tạo, phát triển bền vững. Đã tập trung triển khai các giải pháp trọng tâm xây dựng chính phủ điện tử hướng tới chính phủ số và đạt được những kết quả bước đầu; các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước đã phát triển hơn. Tăng cường họp, làm việc trực tuyến, xử lý hồ sơ công việc trên môi trường điện tử, đặc biệt trong năm 2020 khi xảy ra đại dịch Covid-19.

Công tác thanh tra, kiểm tra hành chính và chuyên ngành được tăng cường và đạt kết quả tích cực. Chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng dần được hoàn thiện. Công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí có bước tiến mạnh, đạt được nhiều kết quả tích cực, rõ rệt, tạo hiệu ứng lan toả mạnh mẽ trong toàn xã hội, được nhân dân đồng tình, đánh giá cao; tập trung thanh tra, kiểm tra sai phạm về quản lý đất đai, quản lý vốn, tài sản nhà nước. Việc đánh giá tình hình tham nhũng ở các bộ hằng năm được tiến hành thường xuyên. Công tác tiếp dân ngày càng được quan tâm và từng bước gắn với giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân; nhiều vụ việc được giải quyết dứt điểm ngay tại cơ sở.

**III. NHỮNG HẠN CHẾ, KHÓ KHĂN VƯỚNG MẮC VÀ NGUYÊN NHÂN  
 1. Hạn chế, khó khăn**

1.1. Về thu ngân sách

- Về mặt tổng thể, kế hoạch thu NSNN trên địa bàn là hoàn thành so với dự toán Trung ương giao, tuy nhiên một số chỉ tiêu đạt thấp hơn so dự toán, cụ thể chỉ tiêu: Thu khu vực doanh nghiệp nước ngoài; Thu từ khu vực công thương nghiệp ngoài quốc doanh,... dẫn đến 03 năm liên tiếp (năm 2017, 2018 và năm 2019) ngân sách địa phương hụt thu (Ngân sách cấp tỉnh).

- Hoạt động đầu tư đã chuyển biến nhưng chưa hình thành được những  
nguồn thu lớn, vững chắc. Nguồn thu ngân sách còn hạn chế; giao dự toán thu  
nội địa còn có sắc thuế chưa sát với thực tế, chưa phát huy được hết các tiềm  
năng, lợi thế của tỉnh để tăng thu ngân sách. Công tác quản lý đối tượng thu thuế  
trên một số địa bàn vẫn còn có việc, lĩnh vực để lọt doanh thu, mức thuế. Việc rà  
soát, phát hiện ngàn nghề kinh doanh mới phát sinh , cơ sở mới kinh doanh, đối   
tượng chịu thuế mới đưa vào quản lý thu thuế còn chưa được triệt để.

- Công tác xư lý nợ đọng thuế tuy đã đạt kết quả, song số nợ hằng năm vẫn còn ở mức cao. Công tác thanh tra, kiểm tra thuế, thu hồi nợ thuế đã được tăng cường nhưng kết quả chưa cao. Tình trạng buôn lậu, gan lận thương mại, hàng giả, trốn thuế, phí, lệ phí còn diễn ra dưới nhiều thủ đoạn ngày càng tinh vi và có chiều hướng phức tạp tại các địa điểm trọng yếu.

- Một số cấp ủy chính quyền địa phương các cấp nhất là cấp xã chưa thực sự sâu sát trong chỉ đạo tổ chức thu triệt để khai thác các nguồn thu ở địa phương, công tác chỉ đạo phối hợp trong quản lý thu thuế ở lĩnh vực quản lý  
phương tiện vận tải, thu thuế xây dựng trong khu dân cư chưa được thường   
xuyên, kịp thời.

1.2. Về chi ngân sách

- Ngân sách Trung ương giao thực hiện trong thời kỳ ổn định trung hạn  
chưa phản ánh được đầy đủ các yếu tố thay đổi về chính sách, chế độ, nhiệm vụ  
cũng như yếu tố về giá cả thị trường trong giai đoạn nên khó khăn trong cân đối   
và điều hành ngân sách địa phươn . Việc thực hiện cơ chế các đơn vị tự chủ còn  
vướng mắc về hệ thống văn bản của trung ương chưa đồng bộ trong hướng dẫn,  
chậm so với yêu cầu triển khai.

- Các năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020, ngân sách địa phương bị hụt thu (Ngân sách cấp tỉnh) do thay đổi cơ chế, chính sách thuế Trung ương ban hành làm ảnh hướng đến nguồn thu ngân sách địa phương, tình hình thiên tai, dịch bệnh trên địa bàn làm việc sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp bị sụt giảm, làm giảm nguồn thu ngân sách nhà nước, để đảm bảo cân đối ngân sách, địa phương đã phải cắt giảm, tạm dừng, chuyển một số nhiệm vụ chi sang năm sau.

- Trong quản lý, sử dụng ngân sách cũng như tài sản công ở một số cấp  
ngân sách, đơn vị, lĩnh vực còn tồn tại vi phạm, thiếu sót cần khắc phục, gây  
lãng phí cho ngân sácg nhà nước... Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục  
pháp luật về phòng, chống tham nhũng , thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của  
một số nơi còn mang tính hình thức và thực hiện thiếu đồng bộ.

- Một số đơn vị dự toán ngân sách tỉnh và huyện, thành phố chưa chủ  
động phân bổ hết dự toán các chế độ, chính sách ngay từ đầu năm; chưa quản lý  
chặt chẽ nguồn thu cũng như có giải pháp khắc phục đẩy nhanh tiến độ giải ngân  
nguồn vốn, việc chuyển nguồn sang các năm tiếp còn lớn.

- Việc rà soát một số cơ chế chính sách, quy định chế độ quản lý tài công   
để đánh giá kết quả và điều chỉnh còn thiếu kịp thời; việc hướng dẫn công tác  
quản lý tài công ở một số cơ sở còn chưa được thường xuyên; một bộ phận cán  
bộ, công chức làm công tác tài công còn hạn chế về năng lực, chưa đáp ứng   
được yêu cầu.

**2. Nguyên nhân**

2.1. Về thu ngân sách

- Các doanh nghiệp Trung ương trên địa bàn thực hiện hạch toán phụ  
thuộc, phân bổ số thuế nộp theo Tổng công ty và không ổn định trong những   
năm gần đây do thay đổi một số chính sách và văn bản về hạch toán chi phí. Do  
vậy thu từ khu vực doanh nghiệp địa phươn giảm.

- Một số doanh nghiệp ý thức chấp hành pháp luật thuế còn hạn chế, cố  
tình chiếm dụnh tiền thuế của Nhà nước; nhiều cá nhân, hộ kinh doanh , doanh   
nghiệp còn nợ thuế nhưng đã ngưng hoạt động, bỏ địa chỉ kinh doanh gây khó  
khăn trong công tác thu hồi nợ.

- Công tác thu hồi nợ đọng thuế gặp nhiều khó khăn bởi nhiều doanh  
nghiệp thực sự chây ỳ, cố tình không thực hiện nghĩa vụ nộp thuế, một số doanh   
nghiệp có dấu hiệu trốn thuế hoặc không hợp tác với các cơ quan chức năng trong việc thu hồi nợ thuế, bỏ trốn, mất tích.

2.2. Về chi ngân sách

- Định mức chi thườn xuyên giai đoạn 2017 - 2020 được áp dụng cho cả  
thời kỳ ổn định ngân sách (04 năm), kinh phí phân bổ chỉ phù hợp với tình hình   
thực hiện nhiệm vụ trong những năm đầu của thời kỳ ổn định, nhưng càng về  
cuối thời kỳ càng gặp nhiều khó khăn do không được điều chỉnh để bù đắp trượt  
giá; trong thời kỳ ổn định ngân sách Trung ương sửa đổi, bổ sung nhiều chế độ  
chính sách mới liên quan đến chi ngân sách địa phương, trong đó chỉ bổ sung tăng chế độ tiền lương, phụ cấp; Quỹ tiền lương tăng qua các năm, bên cạnh đó do ảnh hưởng của sự biến động giá cả thị trường, dẫn đến các khoản chi khác ngày một giảm; kinh phí nâng bậc lương hàng năm phát sinh lớn đã làm ảnh hưởng đến các khoản chi khác đối với thời kỳ ổn định ngân sách. Một số chế độ, chính sách Trung ương ban hành quy định chung, tỉnh quy định chi tiết, nguồn kinh phí do địa phươn tự đảm bảo. Nguồn chi khác hạn hẹp nên chưa dành được nguồn kinh phí để thực hiện duy tu, bảo dưỡng thường xuyên tài sản là nhà cửa, máy móc, nên nhiều cơ sở xuốn cấp không có nguồn kinh phí thực hiện cải tạo...

- Một số cơ chế, chính sách của Nhà nước còn vướng mắc do sự bất cập,  
không đồng bộ như việc thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 16/2015/NĐ-  
CP, việc ban hành nghị định triển khai trên các lĩnh vực thực hiện chậm, không   
có văn bản hướng dẫn cụ thể; văn bản hướng dẫn thực hiện chế độ của một số bộ ngành Trung ương còn chung chung chưa cụ thể chi tiết.

- Một số cán bộ kế toán của đơn vị sử dụng ngân sách nhất là cấp xã chưa  
tự nghiên cứu các văn bản thực hiện quy địn theo Luật Ngân sách năm 2015,  
chưa nâng cao nhiệm vụ chuyên môn, chưa tham mưu kịp thời cho thủ trưởng   
đơn vị trong quản lý Ngân sách nhà nước.

**IV. BÀI HỌC KINH NGHIỆM**

*Một là,* công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành quyết liệt của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh cùng với sự nỗ lực, cố giắng của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, sự đồng lòng của nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp trong công tác quản lý, điều hành và thực hiện dự toán thu, chi NSNN.

*Hai là,* triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp về quản lý thu ngân sácg nhà nước, trọng tâm là thuế và hải quan; chủ động xử lý các tác động đến nguồn thu ngân sách. Phát huy tốt vai trò Ban Chỉ đạo thu ngân sác nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện. Đẩy mạnh các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp, cải thiện môi trường đầu tư, sản xuất kinh doanh, tạo thuận lợi, tiết giảm chi phí , thời gian cho người dân, doanh nghiệp.

*Ba là,* tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các quy định của  
Luật Ngân sách nhà nước, Luật kế toán, các Luật thuế sửa đổi, bổ sung ... và các  
văn bản của Trung ương về công tác kế toán, tài công, thu, chi ngân sách nhà  
nước...trên địa bàn tỉnh gắn với công tác đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao  
nghiệp vụ chuyên môn.

*Bốn là,* xây dựng và ban hành cơ chế chính sách của tỉnh phù hợp với tình hình thực tế và điều kiện nguồn thu ngân sách. Trong xây dựng định mức chi thường xuyên, phân cấp nguồn thu nhiệm vụ của đoạn mới, xây dựng chế độ chính sách cần đánh giá kỹ các lĩnh vực, khai thác triệt để các thế mạnh của từng lĩnh vực để ban hành các chính sách đảm bảo tính thực tiễn; tăng tính chủ động cho các huyện, thị xã, thàn phố, xã, phườn, thị trấn thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội; khuyến khích chính quyền cơ sở trong việc chăm lo nuôi dưỡng, khai thác nguồn thu, góp phần tạo nguồn thu NSNN trên địa bàn.

*Năm là,* điều hành chi ngân sách chủ động, linh hoạt đảm bảo đúng định mức, chế độ từ khâu phân bổ dự toán cho đến thực hiện; công khai, minh bạch trong phân bổ và sử dụng ngân sách nhà nước. Tăng cường kỷ luật tài chính, điều hành ngân sách chặt chẽ, triệt để tiết kiệm các khoản chi ngân sách, rà soát, sắp xếp các nhiệm vụ chi chưa thực sự cấp thiết. Từng bước cơ cấu lại ngân sác   
gắn với sắp xếp, tinh gọn bộ máy hoạt động trong các cơ quan hành chính và  
đơn vị sự nghiệp công lập.

*Sáu là,* khắc phục đầu tư không tập trung, dàn trải; các chương trình dự án đầu tư công phải gắn liền với việc thực hiện các chỉ tiêu chính để phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội, gắn với giảm nghèo bền vững trong kế hoạch 5 năm mà tỉnh đã xác định; kế hoạch đầu tư công trung hạn có phạm vi rộng do vậy cần đánh giá đầy đủ về khả năng thu và chi từ ngân sách nhà nước cả chi đầu tư và chi thường xuyên cho cả thời kỳ trung hạn được thể hiện đầy đủ trong một kế hoạch tài chính trung hạn.

*Bẩy là,*tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính, ngân sách trong xây dựng cơ chế, chính sách và thực thi công vụ; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra,  
giám sát và công khai, minh bạch trong thu, chi NSNN, đầu tư xây dựng cơ bản,  
quản lý, sử dụng tài sản công, đất đa, tài nguyên, khoáng sản,...; thực hiện  
nghiêm các kết luận thanh tra, kiểm toán.

**Phần thứ hai**

**XÂY DỰNG KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH GIAI ĐOẠN 2021-2025,**

**TẦM NHIẾN ĐẾN 2030**

**I. DỰ BÁO TÌNH HÌNH KINH TẾ, TÀI CHÍNH**

Những kết quả đạt được trong giai đoạn 2016-2020 tiếp tục là cơ sở, tiền  
đề thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 202-2025, tầm nhìn đến 2030. Hệ thống cơ chế, chính sách ngày càng hoàn thiện, đồng bộ là nhân tố tác động tích cực đến kết quả thu hút nguồn lực tài chính của các thàn phần kinh tế cho đầu tư, mở rộn quy mô sản xuất, kinh doanh, tạo năng lực sản xuất mới , nâng cao sức cạnh tranh; công tác ciả cách hành chính, chốn tham nhũng, lãng phí được đẩy mạnh, trách nhiệm các cấp, ngành, công chức trong thực thi nhiệm vụ được nâng lên, môi trường đầu tư tiếp tục được cải thiện sẽ đảm bảo tinh khả thi trong việc triển khai các nhiệm vụ, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh giai đoạn 2021-2025.

**II. TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CHỦ YẾU CỦA TỈNH GIAI ĐOẠN 2021-2025**

(1) Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) bình quân 5 năm 7,5-8%. Giá trị sản xuất nông nghiệp, thủy sản tăng 2-2,5%/năm. Chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 9-10%/năm. Giá trị sản xuất thương mại, dịch vụ tăng 7-7,5%.

(2) GRDP bình quân đầu người đạt 130 triệu đồng/năm vào năm 2025.

(3) Cơ cấu kinh tế: Nông nghiệp, thủy sản 6% - Công nghiệp, xây dựng 66% - thương mại, dịch vụ 28%.

(4) Tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2021-2025 đạt 250 nghìn tỷ đồng (Vốn đầu tư của nhà nước khoảng 15%, vốn đầu tư ngoài nhà nước khoảng 53%, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài khoảng 32%).

(5) Tổng thu ngân sách trên địa bàn tỉnh đến năm 2025 đạt 21.500 tỷ đồng, trong đó thu nội địa đạt 16.500 tỷ đồng (chiếm khoảng 77% tổng thu), tiền sử dụng đất chiếm khoảng 15% thu nội địa, thu từ hoạt động XNK 4.000. Tốc độ tăng thu nội địa bình quân giai đoạn 2021-2025 là 8,7%/năm (trừ tiền sử dụng đất tốc độ tăng thu 10%/năm). Cơ cấu chi ngân sách địa phương: Chi đầu tư phát triển giai đoạn 2021-2025 chiếm tỷ trọng 34%; chi thường xuyên chiếm tỷ trọng 64% tổng chi ngân sách địa phương.

(6) Kim ngạch xuất khẩu đạt 8,5 tỷ USD vào năm 2025, tăng 9,5-10%/năm.

(7) Tỷ lệ đô thị hóa của tỉnh đạt 47% vào năm 2025; Thành phố Hưng Yên đạt đô thị loại II, Thị xã Mỹ Hào đạt đô thị loại III và cơ bản đạt tiêu chí thành phố; phấn đấu huyện Văn Giang, Văn Lâm đạt tiêu chí đô thị loại III, khu vực trung tâm các huyện Yên Mỹ, Khoái Châu đạt tiêu chí đô thị loại IV.

**III. CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NGÂN SÁCH 2021-2025  
 1. Về thu ngân sách nhà nước**

Dự kiến kế hoạch tài chính giai đoạn 2021-2025, tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn là 87.200 tỷ đồng, trong đó thu nội địa là 68.800 tỷ đồng (trong đó thu tiền sử dụng đất 9.900 tỷ đồng), chiếm 79% tổng thu ngân sách nhà nước, thu xuất nhập khẩu đạt 18.400 tỷ đồng, chiếm 21% tổng thu ngân sách nhà nước. Cụ thể thực hiện qua các năm như sau:

- Năm 2021: Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn là 14.816 tỷ đồng,  
trong đó thu nội địa 11.416 tỷ đồng, thu từ xuất nhập khẩu là 3.400 tỷ đồng.  
 - Năm 2022: Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn là 15.901 tỷ đồng,  
trong đó thu nội địa 12.401 tỷ đồng, thu từ xuất nhập khẩu là 3.500 tỷ đồng.

- Năm 2023: Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn là 17.233 tỷ đồng,  
trong đó thu nội địa 13.583 tỷ đồng, thu từ xuất nhập khẩu là 3.650 tỷ đồng.

- Năm 2024: Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn là 18.750 tỷ đồng,  
trong đó thu nội địa 14.900 tỷ đồng, thu từ xuất nhập khẩu là 3.850 tỷ đồng.

- Năm 2025: Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn là 20.500 tỷ đồng,  
trong đó thu nội địa 16.500 tỷ đồng, thu từ xuất nhập khẩu là 4.000 tỷ đồng.  
 **2. Về chi ngân sách địa phương**

Tổng chi ngân sách địa phương ước thực hiện giai đoạn 2021-2025 là 67.290 tỷ đồng, tăng 32%% so với giai đoạn 2016-2020. Trong đó: Chi đầu tư phát triển: 17.865 tỷ đồng; chi thường xuyên: 46.785tỷ đồng. Cụ thể:

- Tổng chi ngân sách địa phương năm 2021 là 9.988 tỷ đồng, trong đó:  
Chi đầu tư phát triển: 3.057 tỷ đồng; chi thường xuyên: 6.709 tỷ đồng; chi  
trả nợ lãi chính quyền vay: 26,2 tỷ đồng.

- Tổng chi ngân sách địa phương năm 2022 là 12.336 tỷ đồng, trong đó:  
Chi đầu tư phát triển: 3.304 tỷ đồng; chi thường xuyên: 8.528 tỷ đồng; chi  
trả nợ lãi chính quyền vay: 25 tỷ đồng.

- Tổng chi ngân sách địa phương năm 2023 là 13.521 tỷ đồng, trong đó:  
Chi đầu tư phát triển: 3.581 tỷ đồng; chi thường xuyên: 9.384 tỷ đồng; chi  
trả nợ lãi chính quyền vay: 25 tỷ đồng.

- Tổng chi ngân sác địa phương năm 2024 là 14.896 tỷ đồng, trong đó:  
Chi đầu tư phát triển: 3.817 tỷ đồng; chi thường xuyên: 10.439 tỷ đồng; chi  
trả nợ lãi chính quyền vay: 25 tỷ đồng.

- Tổng chi ngân sách địa phương năm 2025 là 16.549 tỷ đồng, trong đó:  
Chi đầu tư phát triển: 4.088 tỷ đồng; chi thường xuyên: 11.725 tỷ đồng; chi  
trả nợ lãi chính quyền vay: 25 tỷ đồng.

*(Chi tiết kèm theo phụ biểu 01, 02).*

**3. Kế hoạch trả nợ công giai đoạn 2021-2025**

Tổng dư nợ đến 31/2020 là 313,7 tỷ đồng, kế hoạch trả gốc và lãi, phí là 126,2 tỷ đồng, dư nợ cuối kỳ là 121,6 tỷ đồng. Địa phương cân đối thu chi ngân sách hàng năm, cố giắng bố trí từ nguồn, đầu từ phát triển, nguồn bội thu ngân sách và nguồn từ ngành Điện hoàn trả để trả gốc và lãi, phí hàng năm đảm bảo theo quy định.

**IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH 5 NĂM  
GIAI ĐOẠN 2021-2025**

Để thực hiện hoàn thành thắng lợi các nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2021-2025, địa phương xây dựng một số giải pháp tổ chức thực hiện để tập trung lãng đạo, chỉ đạo như sau:

**1.** Tăng cường tuyên truyền, giáo dục sâu rộng, tạo sự thống nhất nhận thức và hành động trong toàn tỉnh về chấp hành nghĩa vụ nộp thuế, pháp luật về ngân sách Nhà nước, quản lý nợ công, thực hành tiết kiệm và phòng, chống tham nhũng, lãng phí, đề cao trách nhiệm của người đứng đầu và xử lý nghiêm các vi phạm.

**2**.Nâng cao chất lượng, đảm bảo chủ động trong công tác phân tích, dự báo; rà soát và đánh giá kịp thời những yếu tố tác động làm ảnh hưởng tăng, giảm đến nguồn thu ngân sách, nhất là những năng lực sản xuất mới phát sinh; thực hiện nguyên tắc xây dựng dự toán ngân sách nhà nước phải dựa trên hệ thống dữ liệu về cơ sở kinh tế, chính sách thu, nhằm đảm bảo tính khoa học và khả thi. Giao nhiệm vụ thu ngân sách cho các địa phương đảm bảo sát tình hình thực tế, có cơ chế khuyến khích các địa phương thu ngân sách vượt chỉ tiêu, đồng thời có biện pháp phù hợp đối với những địa phương không hoàn thành nhiệm vụ thu ngân sách tỉnh giao.

**3**. Cơ cấu lại thu, chi ngân sách Nhà nước, tăng cường quản lý nợ chính quyền địa phương bảo đảm an toàn và bền vững nền tài chính của tỉnh. Thực hiện nghiêm nguyên tắc vay bù đắp bội chi ngân sách chỉ được sử dụng cho đầu tư phát triển, không sử dụng cho chi thường xuyên; chỉ đề xuất vay để bù đắp bội chi khi thực sự cần thiết và cấp bách; cải thiện cân đối ngân sách nhà nước, từng bước tăng tích lũy cho đầu tư phát triển và trả nợ vay.

Cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tạo thuận lợi cho khởi nghiệp; nghiên cứu và triển khai ứng dụng khoa học công nghệ, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, trọng dụng nhân tài.

Mở rộng cơ sở thu, nhất là các nguồn thu mới; tăng tỷ trọng thu nội địa, khai thác tốt thuế thu từ tài sản, tài nguyên, bảo vệ môi trường; bảo đảm tính trung lập của thuế, khuyến khích đầu tư, điều tiết thu nhập hợp lý. Tăng cường quản lý, khai thác, huy động nguồn lực và nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản công.

Tiếp tục cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước theo hướng bền vững, tăng tỉ trọng chi đầu tư phát triển, giảm tỉ trọng chi thường xuyên, hỗ trợ thực hiện hiệu quả các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội; thực hiện nghiêm nguyên tắc chỉ vay nợ cho chi đầu tư phát triển. Đổi mới, xây dựng, hoàn thiện thể chế về quản lý ngân sách nhà nước nhằm tăng cường hiệu quả phân bổ, quản lý, sử dụng nguồn lực tài chính ngân sách nhà nước gắn với quá trình cơ cấu lại nền kinh tế. Tăng cường quản lý, đẩy nhanh tiến độ giải ngân và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công. Tiếp tục cơ cấu lại nợ công theo hướng bền vững. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương tài chính - ngân sách nhà nước. Thực hành triệt để tiết kiệm, chống lãng phí.

Giám sát chặt chẽ việc cho vay, sử dụng vốn của các quỹ tập trung ngoài ngân sách cho các mục đích của ngân sách. Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn vay, bảo đảm trả nợ đầy đủ, đúng hạn; kiên quyết không sử dụng vốn vay cho các mục đích và dự án đầu tư có hiệu quả kinh tế - xã hội thấp hoặc không rõ ràng.

**4**. Cơ cấu lại, nâng cao hiệu quả đầu tư công. Tập trung nguồn vốn ngân sách nhà nước đầu tư các công trình trọng điểm, có sức lan tỏa lớn, tránh tình trạng đầu tư dàn trải, tạo thuận lợi thu hút đầu tư tư nhân, đầu tư trực tiếp nước ngoài. Thực hiện tốt Luật Đầu tư công; nghiên cứu rút ngắn các thủ tục hành chính về đầu tư công; nâng cao chất lượng lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư. Công khai, minh bạch thông tin và tăng cường giám sát đối với đầu tư công. Xác định rõ trách nhiệm trực tiếp của người đứng đầu cơ quan, tổ chức đối với hiệu quả kinh tế của các dự án đầu tư.

**5.** Đẩy mạnh cơ chế tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp công

a) Đổi mạnh cơ chế và phương thức đầu tư của ngân sách nhà nước cho các đơn vị sự nghiệp công: Nhà nước tiếp tục giữ vai trò chủ đạo, tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở vật chất đối với dịch vụ công cơ bản và bảo đảm để các dịch vụ sự nghiệp công thiết yếu với chất lượng ngày càng cao. Ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên đối với các đơn vị sự nghiệp công lập ở các địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng kém phát triển. Tăng cường phân cấp và sử dụng nguồn lực (bao gồm cả nhân lực và nguồn lực tài chính) trên cơ sở gắn với đặc điểm từng loại hình dịch vụ và nhu cầu của thị trường.

Thực hiện chuyển đổi cơ chế phân bổ chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước sang cơ chế nhà nước đặt hàng hoặc giao nhiệm vụ trên cơ sở hệ thóng định mức kinh tế kỹ thuật và tiêu chí, tiêu chuẩn của từng loại hình dịch vụ. Thực hiện cơ chế đấu thầu cung cấp dịch vụ công.

b) Đổi mới cơ chế giá dịch vụ sự nghiệp công lập

Đổi mới cơ chế tính giá đặt hàng sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công; Nhà nước quy định giá hoặc khung giá sản phẩm, dịch vụ đối với các loại dịch vụ cơ bản, có vai trò thiết yếu đối với xã hội; thực hiện có lộ trình việc xóa bỏ bao cấp qua giá, phí dịch vụ. Từng bước cho phép các đơn vị sự nghiệp công lập được tính đủ chi phí (tiền lương, chi phí hoạt động thường xuyên và chi phí khấu hao tài sản cố định) trong giá dịch vụ cung ứng. Trước mắt thực hiện với ngành Y tế theo lộ trình của Chính phủ.

c) Đẩy mạnh xã hội hóa dịch vụ sự nghiệp công

Hoàn thiện cơ chế chính sách tài chính khuyến khích việc huy động các nguồn lực trong xã hội cho đầu tư phát triển sự nghiệp công, nhất là sự nghiệp giáo dục đào tạo, y tế, nghiên cứu khoa học và văn hóa xã hội. Tiếp tục hoàn thiện quy định về việc các cơ sở công lập hợp tác, liên kết với địa phương, doanh nghiệp, cá nhân trong việc xây dựng cơ sở vật chất.

Đa dạng hóa đối tượng cung ứng các loại hình dịch vụ công; tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng trong việc cung cấp dịch vụ giữa các đơn vị, tổ chức thuộc thành phần kinh tế khác nhau. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chính sách ưu đãi đối với các đơn vị xã hội hóa cung cấp dịch vụ công.

d) Nâng cao tính công khai, minh bạch, dân chủ và trách nhiệm giải trình trong quản lý tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp

Trên cơ sở hướng dẫn của Trung ương, xây dựng tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp cung cấp cho xã hội; hình thành hệ thống chỉ tiêu đánh giá mức độ hoàn thành và chất lượng thực hiện nhiệm vụ được giao đối với các đơn vị sự nghiệp công tại địa phương.

Hoàn thiện chế độ thông tin báo cáo, công tác tài chính kế toán và trách nhiệm giải trình về kết quả của các đơn vị cung ứng dịch vụ sự nghiệp công.

Tăng cường kiểm tra, giám sát đối với các cơ sở cung cấp dịch vụ công; hình thành các tổ chức kiểm định, đánh giá độc lập.

Thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, nhất là đối với vấn đề quản lý dữ liệu tài chính, kiểm soát thu - chi NSNN, quản lý nợ công và quản lý tài sản công.

**6**. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về tài chính - ngân sách nhà nước và nợ chính quyền địa phương; thực hiện có hiệu quả việc phân cấp, phân quyền cho các địa phương; ngăn chặn và xử lý nghiêm tình trạng trốn thuế, chống thất thu, phấn đấu giảm nợ thuế. Các cấp, các ngành và địa phương nghiêm túc thực hiện các kiến nghị của các cơ quan thanh tra, kiểm toán nhà nước; có hình thức kiên quyết trong việc thu hồi các khoản chi sai chế độ nộp vào ngân sách nhà nước và các hình thức xử lý trách nhiệm trong việc chậm trễ hoặc không thực hiện các kiến nghị của các cơ quan thanh tra, kiểm toán nhà nước.

**7.** Các cấp ngân sách địa phương, các cơ quan, đơn vị dự toán tăng cường trách nhiệm trong việc sử dụng ngân sách hiệu quả và cân đối các nhiệm vụ được giao. Điều hành ngân sách theo dự toán được giao, hạn chế tối đa bổ sung ngoài ngân sách. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thực hiện lồng ghép các nhiệm vụ chi, triệt để tiết kiệm các khoản chi; giảm tối đa kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo, khánh tiết. Chỉ ban hành chính sách làm tăng chi ngân sách khi thật sự cần thiết và cân đối được nguồn lực. Quản lý chặt chẽ việc tạm ứng, ứng trước dự toán và chi chuyển nguồn năm sau. Thực hiện nghiêm Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

Thực hiện thu, chi trong phạm vi dự toán; vay nợ, giải ngân trong phạm vi kế hoạch và hạn mức được cấp thẩm quyền quyết định; hạn chế tối đa việc ứng trước dự toán, chuyển nguồn. Tăng cường kiểm soát chi ngân sách theo hướng phù hợp với khả năng thu và trả nợ. Chú trọng công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, thực hiện công khai, minh bạch, đề cao trách nhiệm giải trình về ngân sách nhà nước và nợ chính quyền địa phương.

Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã tăng cường trách nhiệm trong việc quản lý các nguồn tăng thu, nguồn kết dư ngân sách. Có phương án phân bổ sử dụng để chi cho các nhiệm vụ trên địa bàn theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Cơ quan tài chính các cấp kiên quyết không tham mưu việc bổ sung kinh phí cho ngân sách cấp dưới khi nguồn lực ngân sách cấp dưới còn có thể cân đối được nhiệm vụ. Phấn đấu tăng thu ngân sách để tăng chi cho các nhiệm vụ theo quy định, không trông chờ, ỷ lại vào ngân sách cấp trên.

**8**. Nghiên cứu, rà soát, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của các sở, ngành, địa phương theo hướng tinh gọn, gắn trách nhiệm quyết định chi ngân sách. Tiếp tục đổi mới công tác quản lý cán bộ, xây dựng chế độ công vụ rõ ràng, minh bạch, thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác tài chính.

**9**. Rà soát toàn bộ các khoản vay theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý nợ công và các văn bản hướng dẫn. Ưu tiên dành nguồn để bố trí trả nợ vay chính quyền địa phương khi đến hạn; rà soát lại các Quỹ ngoài ngân sách để sắp xếp, sáp nhập theo đúng quy định.

**10**. Đẩy nhanh việc khoán xe ô tô đối với các chức danh và mở rộng việc thực hiện khoán xe công đối với một số chức danh theo quy định, hướng dẫn của Trung ương. Tăng cường công tác giao tài sản cho các đơn vị sự nghiệp công lập quản lý theo cơ chế giao vốn cho doanh nghiệp theo đúng quy định.

**11.** Tăng cường thanh tra, kiểm tra tài chính đối với cơ quan, tổ chức sử dụng vốn ngân sách nhà nước; phát hiện, điều tra, truy tố, xét xử kịp thời, nghiêm minh đối với những vi phạm trong lĩnh vực tài chính - ngân sách, các dự án gây thất thoát, lãng phí, những vụ việc tham nhũng, tội phạm kinh tế và công khai kết quả xử lý. Tăng cường công tác công khai, minh bạch trong hoạt động quản lý ngân sách nhà nước theo đúng quy định của pháp luật.

Sở Tài chính trân trọng báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, báo cáo Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư xin ý kiến để tỉnh tiếp thu, hoàn chỉnh và có cơ sở trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét theo quy định./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Giám đốc, các phó Giám đốc;  - Lưu: VT, QLNS. | **GIÁM ĐỐC**  **Nguyễn Đức Tải** |